

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
A DONG PAINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Liberty – Happiness

Số: 005/CBTT-ADP.2026
No.: 005/CBTT-ADP.2026

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh city, April 4th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: - Ủy ban chứng khoán nhà nước/ *The State Securities Commission of Viet Nam*
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG/
A DONG PAINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ *Stock code* : ADP
- Địa chỉ/ *Address* : 1387 Bến Bình Đông, Phường Phú Định, Tp Hồ Chí Minh/
1387 Ben Binh Dong, Ward Phu Dinh, Ho Chi Minh city
- Điện thoại liên hệ/ *Tel* : 028.38552689 Fax: 028.38555092
- E-mail : info@adongpaint.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Content of disclosure*:

Công ty cổ phần Sơn Á Đông công bố thông tin/ *A Dong Paint Stock Company announces information*:

- Tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
- **General Shareholders' Meeting Documentation 2026**

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04/04/2026 tại đường dẫn/ *This information was published on the company's website information page on 04/04/2026, at the following link: <https://adongpaint.com.vn/quan-he-co-dong/>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We guarantee that the information published here is true and take full legal responsibility for the content of the published information.*

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
A DONG PAINT STOCK COMPANY

Người ủy quyền công bố thông tin/
Person authorized to disclose information

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
PERMANENT DEPUTY GENERAL DIRECTOR



LÊ ĐÌNH QUANG

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SƠN Á
ĐÔNG

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
SƠN Á ĐÔNG
Location:
Date: 2026.04.04
17:18:06+07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

MSDN: 0302066222



THƯ MỜI HỌP

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Trụ sở chính: 1387 Bến Bình Đông, Phường Phú Định, Tp.HCM
Tel: 028.38552689

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Tp Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2026

THƯ MỜI HỌP

Kính mời Ông/Bà :

Mã số :

Địa chỉ :

Đến tham dự cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 25 năm 2026 được tổ chức:

❖ Thời gian:

- Thứ 7 ngày 25 tháng 04 năm 2026
- Khai mạc lúc 8 giờ 00 (bắt đầu đăng ký lúc 7 giờ 15)
- Kết thúc dự kiến lúc 11:30 giờ cùng ngày.

❖ Địa điểm: Hội trường Nhà Máy Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông Khu công nghiệp Hải Sơn, Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh.

❖ Nội dung: Theo chương trình nghị sự đính kèm

Sự hiện diện của Quý cổ đông sẽ góp phần thành công cho Đại hội.
Trân trọng.



Mã QR để xem tài liệu



Ghi chú:

Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại Hội vui lòng mang theo: Thư mời họp và Giấy ủy quyền (nếu có); Thẻ CCCD/ Hộ chiếu hoặc bản sao hợp lệ Giấy ĐKDN của tổ chức để Ban tổ chức kiểm tra đăng ký tham dự. Trong trường hợp ủy quyền, vui lòng bổ sung thông tin ủy quyền.

NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỌP

- 1- Kiểm tra tư cách cổ đông.
- 2- Chào cờ, giới thiệu đại biểu, tuyên bố tiến hành đại hội
- 3- Giới thiệu Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu
- Nội dung chính:**
- 4- Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả SXKD năm 2025.
- 5- Đề án Kế hoạch Sản xuất – Kinh doanh năm 2026.
- 6- Tờ trình Đại hội về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.
- 7- Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về tình hình hoạt động của Công ty năm 2025.
- 8- Tờ trình Đại hội về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.
- 9- Tờ trình của HĐQT về tiền thù lao HĐQT và Ủy Ban kiểm toán năm 2025, tiền thưởng cho HĐQT & Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- 10- Tờ trình của HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2026.
- 11- Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có).
- 12- Cổ đông phát biểu ý kiến và biểu quyết các nội dung Đại hội.
- 13- Công bố kết quả biểu quyết.
- 14- Thông qua Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Ghi chú:

Quý cổ đông có nhu cầu tham khảo tài liệu trước, vui lòng xem tại website adongpaint.com.vn kể từ ngày 04/04/2026 hoặc liên hệ Ông Lê Đình Quang – Phó TGD (ĐTDD: 0903785602) để nhận tài liệu bằng văn bản tại trụ sở Công ty - 1387 Bến Bình Đông, Phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN

V/v: **Tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

Tên Cổ đông:
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
Số CCCD/Hộ chiếu/GCNĐKDN: Ngày cấp: .../.../... tại:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Tổng số cổ phần hoặc đại diện sở hữu: cổ phần.

Bảng văn bản này ủy quyền cho:

Tên Cá nhân/Tổ chức:
Số CCCD/CC/Hộ chiếu/GCNĐKDN: Ngày cấp: .../.../... tại:
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần.

NỘI DUNG ỦY QUYỀN

- Bên Được Ủy Quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông tổ chức ngày 25 tháng 04 năm 2026 và đại diện Bên ủy quyền biểu quyết thông qua các nội dung hợp lệ trong chương trình Đại hội với tư cách là đại diện cho số cổ phần được nhận ủy quyền nêu trên.
- Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ của Công ty hoặc chấm dứt hiệu lực khi Bên Ủy Quyền có thông báo về việc chấm dứt ủy quyền này. Bên Được Ủy Quyền không được ủy quyền lại cho bên thứ ba trong trường hợp Bên Được Ủy Quyền là cá nhân.
- Các Bên cam kết tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện gì đối với Công ty.

....., ngày tháng năm 2026

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu (nếu có))

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- Trong trường hợp cổ đông không trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ, Bên Được Ủy Quyền khi đi dự họp vui lòng mang theo: Giấy ủy quyền (**bản chính**), Thư mời họp của Bên Ủy Quyền (**bản chính**) và CCCD/Hộ chiếu (**bản photo có chứng thực**) của Bên Được Ủy Quyền.
- Trong trường hợp Bên được ủy quyền là tổ chức, vui lòng gửi kèm văn bản ủy quyền của tổ chức cho người đại diện của tổ chức đó tham dự ĐHĐCĐ (đính kèm theo CCCD/CC/Hộ chiếu của người đại diện tham dự).

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026

Ngày 25 tháng 04 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN 25 NĂM 2026
Ngày 25/04/2026

Thời gian	Chương trình	Người chịu trách nhiệm	Ghi chú
I	Thủ tục	Ban tổ chức	
7.15h – 7.50h	Kiểm tra tư cách cổ đông.	Tiểu ban kiểm tra tư cách cổ đông Ông Lê Đình Ngọc	Đối chiếu CCCD, giấy ủy quyền (nếu có) với danh sách cổ đông. Phát phiếu biểu quyết, và tài liệu.
II	Khai mạc	Ban tổ chức	
08h.00 – 08.10h	- Chào cờ. - Giới thiệu Đại biểu, - Công bố đủ điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, - Giới thiệu Chủ tọa đoàn.	Ông Phan Hoàng Bảo	Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
III	Nội dung	Chủ tọa đoàn	
08.10h – 08.45h	- Giới thiệu Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu, - Báo cáo của HĐQT Công ty về tình hình hoạt động, kết quả SX - KD năm 2025, - Đề án kế hoạch SX – KD năm 2026.	Ông Trần Bửu Trí Ông Lê Đình Quang Ông Lê Đình Quang	
08.45h – 08.50h	- Báo cáo của UBKT về tình hình hoạt động của Công ty năm 2025.	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	
08.50h – 08.55h	- Tờ trình ĐH về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.	Ông Huỳnh Thanh Tâm	
08.55h – 09.00h	- Tờ trình ĐH về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.	Ông Huỳnh Thanh Tâm	
09.00h – 09.05h	-Tờ trình ĐH về tiền thù lao HĐQT năm 2025 và tiền thưởng cho HĐQT&Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2026.	Ông Huỳnh Thanh Tâm	



09.05h – 09.10h	- Tờ trình ĐH về việc lựa chọn Công Ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2026.	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	
09.10h – 10.00h	Đại hội thảo luận và biểu quyết các nội dung Đại hội	Chủ tọa đoàn Ban kiểm phiếu	Các báo cáo và Tờ trình liên quan
10.00h – 10.30h	Nghỉ giải lao		
10.30h – 10.40h	Công bố kết quả biểu quyết	Ban kiểm phiếu	
10.40h – 10.50h	Thông qua Nghị quyết Đại Hội	Thư ký đoàn	
11.00h	Bế mạc	Chủ tọa đoàn	Kết thúc

Ngày 25 tháng 04 năm 2026



NGUYỄN THỊ NHUNG

TM. BAN TỔ CHỨC

HUỲNH THANH TÂM



TÀI LIỆU ĐẠI HỘI – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN 25 NĂM 2026:

- Chương trình Đại hội – ĐHĐCĐ thường niên lần 25 năm 2026.
- Báo cáo của HĐQT Công ty về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025.
- Đề án kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Báo cáo của UBKT về việc kiểm tra tình hình hoạt động Công ty năm 2025.
- Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.
- Tờ trình đại hội về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.
- Tờ trình đại hội về tiền thù lao HĐQT năm 2025 và tiền thưởng cho HĐQT & Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Tờ trình đại hội về việc lựa chọn Công Ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH
DOANH NĂM 2025**

Kính trình: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Năm 2025 nền kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi chậm, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Tăng trưởng toàn cầu có cải thiện song thiếu đồng đều, lạm phát tuy được kiểm soát nhưng vẫn gây áp lực lên chi phí sản xuất, chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn duy trì trạng thái thận trọng. Cùng với đó, căng thẳng địa chính trị, xung đột thương mại và gián đoạn cục bộ của chuỗi cung ứng tiếp tục ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư quốc tế.

Trong nước, nền kinh tế vừa thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát thúc đẩy tăng trưởng, vừa triển khai sắp xếp lại đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, qua đó tạo tiền đề để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời phát sinh những yêu cầu mới trong công tác điều hành, tổ chức thực hiện và phân bổ nguồn lực. Đặc biệt, nền kinh tế phải đối mặt với thiên tai lịch sử, gây hậu quả nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống xã hội.

Cho dù những bất ổn nền kinh tế thế giới, Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, tăng trưởng kinh tế năm 2025 với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,02 % cao thứ hai trong giai đoạn 2011-2025 nhờ động lực chính từ thương mại dịch vụ và sản xuất công nghiệp, Với mức tăng trưởng kinh tế vượt hơn 8% của Việt Nam là điểm sáng trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, đặc biệt là căng thẳng thương mại, chính sách thuế đối ứng của Mỹ. Đây là mức cao nhất trong khu vực ASEAN và thuộc nhóm tăng trưởng hàng đầu thế giới, cho thấy kinh tế Việt Nam đang khởi sắc đã lấy lại đà tăng trưởng sau đại dịch COVID-19. Với chính sách phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã từng bước phát huy hiệu quả.

Năm 2025, trong bối cảnh lạm phát toàn cầu vẫn còn tăng cao nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 của Việt Nam tăng 3,31% so với năm 2024 kiểm soát tốt dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Bình quân năm 2025 lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm 2024, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,31%).

Tỷ giá, mặt bằng lãi suất ít biến động, lạm phát đã được kiểm soát, thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng diễn biến tích cực nhằm giảm lãi suất huy động, giảm lãi suất cho vay để phục hồi nền kinh tế đang còn bị giám sát.

Ngành công nghiệp và xây dựng đầu tư công vẫn được tiếp tục ưu tiên triển khai mạnh mẽ theo chủ trương của Chính phủ đã có dấu hiệu tích cực, làm động lực tăng trưởng cho nền kinh tế trong thời gian tới.

Với những khó khăn cố gắng đã vượt qua cũng được sự chi đạo hợp lý và kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực của toàn thể người lao động trong Công ty, đã góp phần tác động tích cực và mang đến kết quả SXKD cũng như sự phát triển của Công ty trong năm 2025.



II. CÁC BIỆN PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRONG SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2025:

Để thực hiện kế hoạch năm 2025 Công ty đã đề ra các biện pháp và tổ chức thực hiện như sau:

1. Phát triển thị trường và khách hàng

- Thường xuyên rà soát và ban hành lại chính sách bán hàng đối với hệ thống đại lý và nhà phân phối để phù hợp với tình hình hiện nay của Công ty
- Mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm tìm kiếm các khách hàng mới để tăng doanh thu bán hàng cho Công ty.
- Duy trì thường xuyên công việc chăm sóc khách hàng, có chính sách hỗ trợ kịp thời, ưu đãi về giá bán hợp lý đối với những khách hàng lâu năm cũng như các khách hàng mới.
- Thực hiện quảng cáo hình ảnh trên pano tại các Cửa hàng, Đại lý, Nhà phân phối ở các Tỉnh, Thành nhằm quảng bá thương hiệu các sản phẩm của Công ty.

2. Quản trị sản xuất và chi phí

- Thường xuyên quan tâm và chỉ đạo kịp thời của Ban Tổng Giám Đốc về công tác quản lý hàng tồn kho nhằm hạn chế hàng hóa quá đắt, quá hạn hoặc lỗi thời dẫn đến phải thanh lý hủy bỏ gây thiệt hại đến tài sản Công ty.
- Chú trọng công tác giám sát sản xuất để kiểm soát chặt chẽ về tiêu hao nguyên vật liệu và hạn chế sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm.

3. Phát triển sản phẩm

- Duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh sản phẩm truyền thống theo hướng chất lượng cao, giá cả hợp lý.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường.
- Tìm kiếm những nguyên liệu thay thế hoặc tương đương để sản xuất sản phẩm đưa ra thị trường với giá bán cạnh tranh hơn nhưng chất lượng sản phẩm vẫn đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng.

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Chú trọng về công tác tuyển dụng, đào tạo đội ngũ kỹ thuật; bán hàng để nâng cao tính chuyên nghiệp hơn nhằm phục vụ cho việc sản xuất- kinh doanh của Công ty.
- Sắp xếp tuyển dụng nhân sự theo nhu cầu của các phòng ban chức năng cho phù hợp với tình hình hoạt động Công ty để nâng cao hiệu quả chất lượng nhân viên, tăng năng suất và tăng thu nhập cho người lao động.
- Thường xuyên cập nhật và điều chỉnh chính sách nhân sự, tiền lương, tiền thưởng cho phù hợp và kịp thời nhằm đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Kết quả sản xuất - kinh doanh:

1.1 Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

Các chỉ tiêu đã được thực hiện như sau

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tăng trưởng	
					2025/2024	TH/KH
1	Tổng doanh thu	817.854.698	700.000.000	651.760.638	-20,31%	-6,89%
	Doanh thu SX chính	815.637.698	700.000.000	649.692.015		
	Doanh thu KD khác	2.217.000	-	2.068.623		

2	Nộp ngân sách	40.694.583	39.944.421	56.115.192	37,89%	40,48%
3	Thu nhập doanh nghiệp					
	Lợi nhuận trước thuế	106.837.159	70.000.000	95.926.775	-10,21%	37,04%
	Lợi nhuận sau thuế	85.313.983	56.000.000	76.460.537	-10,38%	36,54%
4	Tổng lao động b/q (người)	159	157	155	-2,52%	-1,27%
5	Lương thực hiện b/q (tháng)	23.575	20.435	19.272	-18,25%	-5,69%
6	Trích khấu hao cơ bản	7.243.407	7.300.000	7.257.602	0,20%	-0,58%
7	Đầu tư mua sắm TSCĐ	1.809.119	3.000.000	659.800	-63,53%	78,01%
	Trong đó: Đầu tư TSCĐ dở dang					

1.2 Hiệu quả kinh tế - tài chính:

Hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất – kinh doanh năm 2025

STT	Hạng mục	ĐVT	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	Ghi chú
1	Tổng giá trị tài sản trên sổ sách	1000đ	355.389.133	347.641.277	
2	Vốn góp của cổ đông	1000đ	230.398.500	230.398.500	
3	Nguồn vốn chủ sở hữu (CSH)	1000đ	272.364.832	264.885.894	
4	Mức tăng tích lũy vốn CSH	%	-5,16%	-2,75%	
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	13,06%	14,72%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	%	10,43%	11,73%	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	%	24,00%	22,00%	
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ tổng tài sản	%	30,06%	27,60%	
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH	%	31,32%	28,87%	
10	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn góp	%	37,03%	33,19%	

2. Tình hình tài chính Công ty:

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2025 tính đến hết ngày 31.12.2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài Chính và Kiểm toán phía Nam (AASCS) ngày 19/03/2026 và trên cơ sở tạm tính nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành, tình hình tài chính Công ty được ghi nhận như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
1	Tổng giá trị tài sản trên sổ sách	1000đ	355.389.133		347.641.277
2	Nguồn vốn chủ sở hữu (CSH)	1000đ	272.364.832		264.885.894
3	Vốn đầu tư chủ sở hữu	1000đ	230.398.500		230.398.500
4	Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	%	23,36%	Tối đa 40%	23,80%

5	Nợ phải thu trên tổng tài sản	%	19,30%	Tối đa 30%	13,47%
6	Nguồn vốn CSH trên Tổng nguồn vốn	%	76,64%	Tối thiểu 60%	76,20%
7	Tăng trưởng tích lũy vốn CSH	%	-5,16%	0,00%	-2,75%
8	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	3,83	2,50	3,83
9	Hạn mức vay vốn lưu động thường xuyên	1000đ	-	-	-

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT):

HDQT xác định được các mục tiêu cụ thể về kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua và qua đó HDQT đã kịp thời chỉ đạo đưa ra các định hướng phát triển, ứng phó phù hợp với diễn biến thị trường, tình hình kinh tế xã hội và giao nhiệm vụ cho Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược đã được phê duyệt.

3.1 Hoạt động giám sát:

HDQT đã thực hiện công việc giám sát chặt chẽ Ban Tổng Giám Đốc trong việc triển khai chiến lược kinh doanh, thực hiện các nghị quyết quan trọng của ĐHCĐ thường niên. Các nội dung giám sát bao gồm:

- Triển khai và thực hiện chiến lược kinh doanh theo đúng định hướng đề ra.
- Đảm bảo việc thực hiện các nghị quyết của HDQT một cách đầy đủ và đúng thời hạn.
- Tuân thủ nghiêm ngặt chế độ báo cáo tài chính định kỳ (quý, bán niên, năm) và báo cáo quản trị, báo cáo thường niên theo quy định của Luật chứng khoán về việc công bố thông tin áp dụng đối với Công ty đại chúng đã niêm yết nhằm đảm bảo Công ty đi đúng hướng, phù hợp với các quy định của pháp luật và các chuẩn mực đã được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
- Triển khai các chương trình, chính sách nhân sự nhằm tối ưu hóa năng lực quản lý điều hành
- Thực hiện các hoạt động đầu tư mua sắm nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

3.2 Kết quả giám sát:

HDQT ghi nhận những kết quả nổi bật của Ban Tổng Giám Đốc năm 2025 như sau:

- Duy trì tăng trưởng trong bối cảnh kinh tế đầy thách thức, mặt dù kinh tế toàn cầu có nhiều bất ổn, Ban Tổng Giám Đốc đã điều chỉnh linh hoạt chiến lược, đảm bảo tốc độ tăng trưởng ổn định và tạo ra các động lực tăng trưởng mới, phù hợp với tầm nhìn dài hạn của Công ty.
- Các nghị quyết của HDQT được triển khai kịp thời, minh bạch, và tuân thủ đầy đủ các quy định về công bố thông tin định kỳ hay bất thường.
- Đã duy trì kỷ luật tài chính chặt chẽ, đảm bảo tiến độ hoàn thành kế hoạch tài chính năm. Đặc biệt trong bối cảnh kinh tế đầy biến động, việc giám sát kết quả kinh doanh, công nợ, hàng hóa tồn kho được thực hiện sát sao thường xuyên nên không có nợ xấu nợ quá hạn, hàng hóa chậm luân chuyển đã giúp cho Công ty chủ động điều chỉnh khi cần thiết.
- Ban Tổng Giám Đốc đã tích cực triển khai chính sách luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ nhân viên hợp lý cũng đã góp phần củng cố bộ máy điều hành và tối ưu hóa nguồn lực nội bộ.

Năm 2025, HDQT đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp bất thường khác để đảm bảo xử lý kịp thời các công việc liên quan đến hoạt động SXKD thuộc thẩm quyền của HDQT cũng như để triệu tập tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025.

Các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong năm 2025:**A. Có 07 nghị quyết bao gồm:**

- Thông qua kết quả SXKD quý 4 và cả năm 2024
- Chốt danh sách thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
- Thông qua tài liệu nghị sự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
- Chốt danh sách để chi trả cổ tức bổ sung năm 2024, Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập BCTC năm 2025 và Chi thường cho HĐQT và Ban điều hành hoàn thành kế hoạch năm 2024.
- Thông qua kết quả SXKD quý 2 & 06 tháng đầu năm 2025
- Thông qua kết quả SXKD quý 3 năm 2025.

B. 05 quyết định bao gồm:

- Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Chi trả cổ tức bổ sung năm 2024
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025
- Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2025
- Tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2025.

IV. CÁC VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ THÁCH THỨC TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY:

Cùng với các hoạt động và kết quả đã đạt được, vẫn còn tồn tại và khó khăn thách thức mà Công ty đang gặp phải trong năm 2025 như sau:

- Tình hình địa chính trị thế giới tác động trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Cuộc chiến giữa Nga và Ukraina; Trung Đông (Mỹ, Israel và Iran) tiếp tục kéo dài vẫn chưa có hồi kết dù đã có nỗ lực từ nhiều nước lớn khác trong thời gian vừa qua nhằm hạ nhiệt căng thẳng, đã đẩy giá nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao và thế giới phải đối diện với một cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu.
- Tình hình kinh tế trong nước phục hồi diễn biến chưa rõ nét, thị trường bất động sản vẫn tiếp tục trầm lắng và đóng băng kéo dài chưa có dấu hiệu phục hồi dẫn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm sơn giảm đi đáng kể.
- Mức độ giá bán cạnh tranh ngày càng khốc liệt và không lành mạnh giữa các nhà sản xuất, phân phối sản phẩm cùng ngành đã làm ảnh hưởng sâu rộng đến mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thông qua nội dung báo cáo tình hình hoạt động và kết quả SXKD thực hiện năm 2025, đồng thời điểm lại các kết quả đã thực hiện như sau:

Năm 2025, tình hình kinh tế thế giới và khu vực phục hồi chậm. Kinh tế trong nước đang có chiều hướng khởi sắc trở lại. Với những chính sách, giải pháp hợp lý Công ty đã linh hoạt nắm bắt, tận dụng nhiều biện pháp để tiết giảm chi phí hạ giá thành sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả SXKD. Nhờ vậy, Công ty đã đạt được kết quả SXKD năm 2025 với doanh thu thuần thực hiện: 651,76 tỷ đồng đạt 93,10 % tương đương giảm 6,9% so với kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế đạt 76,46 tỷ đồng đạt 136,54 % tương đương tăng 36,54 % so với kế hoạch năm.

Mặc dù doanh thu chưa đạt kế hoạch, nhưng hiệu quả hoạt động của Công ty vẫn được cải thiện đáng kể.

Các yếu tố tích cực:

- Lợi nhuận vượt kế hoạch
- Quản trị tài chính an toàn
- Bộ máy điều hành ổn định

Qua đó cũng đã thể hiện được sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chỉ đạo kịp thời để hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Về phúc lợi, chế độ chính sách cho người lao động, Công ty cũng thường xuyên quan tâm chăm lo đến đời sống của người lao động, do vậy tiền lương, tiền thưởng năm 2025 chỉ cho người lao động đạt ở mức cao so với các đơn vị cùng ngành và khu vực.

Qua các dữ liệu vừa trình bày, HĐQT Công ty đánh giá rằng với những gì đã thực hiện và đạt được trong năm 2025, HĐQT và Ban TGD Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã giao phó

Thay mặt cho HĐQT, Tôi chân thành cảm ơn đến Quý cổ đông, Cán bộ công nhân viên Công ty, các đối tác và mọi người đã quan tâm, hỗ trợ chúng tôi hoàn thành công việc trong năm vừa qua. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên xem xét và thông qua.


TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ tịch

NGUYỄN THỊ NHUNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026
Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

I. CÁC CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH:

Phương án Sản xuất-kinh doanh năm 2026 được xây dựng căn cứ như sau:

- Mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát trong năm 2025, tuy nhiên áp lực lạm phát và tình hình địa chính trị khó lường trong năm 2026 là rất lớn. Do chiến tranh giữa Nga – Ukraina và Trung Đông (Mỹ, Israel - Iran) vẫn tiếp tục diễn biến rất phức tạp làm cho giá dầu mỏ và khí đốt tăng lên bất thường, chưa có dấu hiệu chững lại đã làm gia tăng chi phí logistics, nguyên liệu đầu vào, khó khăn trong vận chuyển, gián đoạn hoạt động trong xuất nhập khẩu...
- Giá bán và chi phí đầu vào được tính theo cơ cấu tương đối của quý 4 năm 2025 và quý 1 năm 2026.
- Kết quả thực hiện sản xuất & kinh doanh của Công ty năm 2025.
- Quy mô, năng lực sản xuất và tài chính hiện có của Công ty.

Chính vì vậy, công tác quản lý, điều hành trong thời gian tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần nhắc thực hiện thận trọng, chủ động và linh hoạt để lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 cho phù hợp.

II. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH SX – KD NĂM 2026:

1. Tình hình chung

Năm 2026 tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo bất ổn, vẫn còn các rủi ro cản trở đà tăng trưởng như căng thẳng địa chính trị và nguy cơ xung đột tại một số khu vực trên thế giới vẫn tiếp tục leo thang, diễn biến phức tạp, nguy cơ chiến tranh thương mại và sự gia tăng chủ nghĩa bảo hộ, rủi ro về lãi suất tăng và biến động tỷ giá hối đoái là không nhỏ. Bên cạnh đó, do chính sách thuế đối ứng của Mỹ dự kiến sẽ tác động sâu rộng hơn đến tình hình kinh tế của thế giới nói chung và nhiều quốc gia khác trong đó có Việt Nam

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu còn nhiều diễn biến khó lường, Kinh tế Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục được phục hồi. Với sự chỉ đạo quyết liệt của chính phủ trong năm 2026, phần đầu đưa mục tiêu tăng trưởng GDP lên hai con số (từ 10 % trở lên) so với năm 2025 từ việc đẩy mạnh xây dựng đầu tư công để kéo theo sự phát triển của các ngành nghề khác; thu hút dòng vốn FDI và lấy kinh tế tư nhân làm động lực quan trọng để phát triển nền kinh tế

2. Mục tiêu tăng trưởng qui mô sản xuất - kinh doanh:

Căn cứ vào các tình hình trên, kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2026 được xây dựng với các chỉ tiêu như sau:

- **Doanh thu** : 550.000.000.000 đồng
- **Lợi nhuận trước thuế** : 55.000.000.000 đồng



3. Mục tiêu phát triển thị trường sản phẩm:

1. Mở rộng thêm nhiều kênh phân phối sản phẩm để tăng độ phủ khắp các tỉnh thành trong cả nước
2. Ngoài việc phát triển các dòng sản phẩm mới, Công ty vẫn tiếp tục duy trì sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống bao gồm: Sơn Kỹ nghệ, Sơn công nghiệp độ bền cao, Sơn xây dựng và trang trí với thương hiệu Sơn ADONG và Sơn SUMO...
3. Xây dựng các chính sách kinh doanh linh hoạt phù hợp với diễn biến của thị trường. Triển khai các chính sách bán hàng, khuyến mãi, chiết khấu, hậu mãi một cách hợp lý dựa trên tập quán mua sắm của từng khu vực, từng đối tượng khách hàng. Qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng sản lượng, cải thiện doanh thu
4. Tăng cường hoạt động tư vấn, khuyến cáo với khách hàng để nâng cao giá trị sử dụng sản phẩm, tiếp tục cải tiến và hoàn thiện mẫu mã bao bì để tạo tính đồng bộ và nâng cao giá trị thương hiệu
5. Lựa chọn đầu tư về chiều sâu nhằm phát triển các sản phẩm mới đang có nhu cầu tăng cao và phù hợp với thực tế năng lực của Công ty

III. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CU THỂ NĂM 2026:**1. Về sản xuất kinh doanh:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng trưởng %
1	Doanh thu sx công nghiệp	1.000đ	651.760.638	550.000.000	-15,61%
	- Doanh thu xuất khẩu	1.000đ			
2	Sản lượng sản xuất – tiêu thụ	Tấn	5.832.437	5.700.000	-2,27%
3	Nộp nghĩa vụ ngân sách	1.000đ	56.115.192	49.000.000	-12,68%
4	Thu nhập doanh nghiệp	1.000đ			
	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	95.926.775	55.000.000	-42,66%
	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	76.460.537	44.000.000	-42,45%
5	Tổng số lao động bình quân	Người	155	155	0,00%
6	Lương thực hiện bình quân tháng	1.000đ	19.272	16.263	-15,61%
7	Trích khấu hao cơ bản	1.000đ	7.257.602	7.200.000	-0,79%
8	Kế hoạch đầu tư XD CB	1.000đ			
	- Đầu tư máy móc thiết bị		659.800	1.500.000	127,34%
	- Xây dựng, lắp đặt	1.000đ			

2. Về tài chính

Căn cứ tình hình thực hiện SX-KD năm 2025 và khả năng phát triển trong năm 2026, mục tiêu phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2026 của Công ty được đề xuất như sau:

- Tăng trưởng tích lũy vốn chủ sở hữu : Không tích lũy vốn CSH
- Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn : Tối thiểu 60%
- Nợ phải thu trên tổng tài sản : Tối đa 30%
- Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn : Tối đa 40%
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn : Tối thiểu 2.5 lần
- Tổng hạn mức tín dụng ngân hàng ngắn hạn : Không vay ngân hàng

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2026:

Nhằm thực hiện thành công kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2026, Công ty đề ra các giải pháp thực hiện như sau:

1. Giải pháp thị trường

- Nghiên cứu ban hành và thực hiện các cơ chế chính sách kinh doanh phù hợp và kịp thời nhằm đạt được mục tiêu phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển sản phẩm mới, mở rộng phát triển sản phẩm truyền thống kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng yêu cầu ngày cao của khách hàng.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu Sơn ADONG, Sơn SUMO và các dòng sản phẩm khác đến tay người tiêu dùng mà Công ty có thể mạnh.

2. Giải pháp sản xuất

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, hạn chế tối đa lỗi sản phẩm, chú trọng kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cả về chất lượng lẫn hình thức mẫu mã bao bì.
- Kiểm soát định mức tiêu hao nguyên vật liệu, giá mua trên thị trường, tăng năng suất lao động nhằm đáp ứng kịp thời, linh hoạt và tăng sức cạnh tranh cho Công ty.
- Đầu tư đổi mới và nâng cấp thiết bị hiện có để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo cung cấp sản phẩm đến khách hàng đúng tiến độ, số lượng và chất lượng theo yêu cầu của khách hàng.

3. Giải pháp quản trị

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát và cắt giảm các khoản chi tiêu chưa cần thiết nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành sản xuất để tăng sức cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm và giảm thiểu và không để phát sinh nợ xấu khó đòi, hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Thường xuyên quan tâm việc cải thiện môi trường làm việc, tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ, nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động cũng như để bảo vệ tài sản của Công ty.

4. Giải pháp nhân sự

- Thường xuyên quan tâm nâng cao kiến thức kinh doanh cho đội ngũ bán hàng để có kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán trong việc tìm kiếm khách hàng mới và duy trì đối với khách hàng cũ nhằm đạt và vượt doanh số bán hàng đã đề ra.
- Tiếp tục hoàn thiện và cải tiến chính sách lao động - tiền lương, tiền thưởng... để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ, đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao cống hiến lâu dài với Công ty.

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2026:

1. Tiếp tục đầu tư mới máy chiết rót sơn bán tự động
2. Nâng cấp máy móc thiết bị khuấy và nghiền sơn
3. Lắp đặt hệ thống xử lý mùi (dung môi, sơn) cho Phân xưởng Sản xuất sơn

Mục tiêu:

- Nâng cao năng suất
- Cải thiện chất lượng sản phẩm
- Giảm chi phí sản xuất
- Cải thiện môi trường an toàn cho NLD

Nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh trong thời gian tới

Kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên xem xét và thông qua.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị quyết số 011/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 27/04/2024;
- Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán của Công ty;
- Vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán (UBKT) quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông (“Công ty”);
- Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AASCS.

Thay mặt Ủy ban kiểm toán Công ty, tôi xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG NĂM 2025

1. Về cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức UBKTNB trong năm 2025 bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch UBKTNB
Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên UBKTNB

UBKTNB đã thành lập Ban Kiểm toán Nội bộ (“Ban KTNB”) là bộ phận trực thuộc theo quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP để trực tiếp thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ.

2. Nguyên tắc hoạt động của UBKTNB: Độc lập, khách quan, trung thực và bảo mật.

3. Kết quả giám sát đối với việc lập báo cáo tài chính, dịch vụ kiểm toán độc lập, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty:

3.1 Kết quả giám sát đối với việc lập báo cáo tài chính

UBKTNB đã giám sát công tác thuyết minh BCTC tháng, quý, 6 tháng, năm 2025 trước khi Ban điều hành trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của Pháp luật. Kết quả giám sát như sau:

- Các BCTC quý, bán niên và năm 2025 được lập và công bố phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán, các quy định của Pháp luật hiện hành.



- Công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, phản ánh tình hình tài chính của Công ty ổn định.
- Các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty kiểm toán (AASCS) không có ý kiến kiểm toán ngoại trừ và không có khuyến nghị của kiểm toán độc lập.
- Công ty kiểm toán (AASCS) được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.
- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AASCS theo đúng quy định hiện hành.

3.2 Kết quả giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập:

- Năm 2025, đơn vị kiểm toán độc lập đã thực hiện kiểm toán đầy đủ các báo cáo bán niên và báo cáo năm cho Công ty. Phạm vi, nội dung, phương pháp, thời gian kiểm toán đã được đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện theo đúng thoả thuận hợp đồng;
- UBKTNB đã trao đổi và làm rõ thêm các thông tin liên quan đến BCTC trước khi đơn vị kiểm toán phát hành Báo cáo kiểm toán;
- UBKTNB đánh giá cao về tính độc lập cũng như chất lượng của các báo cáo kiểm toán tại Công ty.

3.3 Kết quả giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty:

Một số chỉ tiêu chính thực hiện trong năm 2025 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm	%
	(VND)	(VND)	(VND)	
Doanh thu thuần	817,854,698,419	651,760,638,336	-166,094,060,083	-20.31%
Giá vốn hàng bán	658,332,372,224	523,037,699,851	-135,294,672,373	-20.55%
Lợi nhuận gộp	159,522,326,195	128,722,938,485	-30,799,387,710	-19.31%
Chi phí bán hàng	18,732,188,831	15,061,803,477	-3,670,385,354	-19.59%
Chi phí quản lý DN	39,015,353,541	22,118,849,651	-16,896,503,890	-43.31%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	106,900,809,147	96,581,055,566	-10,319,753,581	-9.65%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	85,313,983,000	76,460,537,616	-8,853,445,384	-10.38%

EPS (Lợi nhuận trung bình/mỗi cổ phiếu)	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/(giảm)	%
	(VND/cổ phiếu)	(VND/cổ phiếu)	(VND/cổ phiếu)	
	3,703	3,319	-384	-10.37

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	So với kế hoạch	%
	(VND)	(VND)	(VND)	
Doanh thu thuần	651,760,638,336	700,000,000,000	-48,239,361,664	-6.89%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	76,460,537,616	56,000,000,000	20,460,537,616	36.54%

4. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty:

- Công ty đã ban hành và thực hiện tốt các quy trình kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo đúng các qui định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của công ty.
- Công ty thường xuyên rà soát giao dịch, hợp đồng giữa Công ty với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và ĐHĐCĐ.

5. Báo cáo đánh giá về các giao dịch liên quan:

- Giao dịch giữa Công ty, trong đó với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, người điều hành quản lý khác của Công ty và những Người có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hiện nay đều được UBKTNB giám sát. UBKTNB cũng đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty:

Qua công tác giám sát của UBKT đối với hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong năm tài chính 2025, UBKT ghi nhận các kết quả sau:

- Các hoạt động của Công ty phù hợp với nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước về kế toán tài chính và thuế;
- Các nội dung trong Nghị Quyết ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025 đã được HĐQT và Ban điều hành triển khai thực hiện đầy đủ.

6.1 Đối với Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
- Các phiên họp của HĐQT được tổ chức, trao đổi thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung phù hợp với quy định Pháp luật và đúng thẩm quyền của HĐQT. Các nội dung được biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tiến hành các thủ tục theo đúng quy định.
- Các thành viên HĐQT thực hiện đúng vai trò trách nhiệm, tham dự đầy đủ các buổi họp và các ý kiến biểu quyết góp phần xây dựng và phát triển hoạt động và định hướng phát triển của Công ty.

6.2 Đối với Ban Giám đốc và Ban điều hành:

- Ban điều hành thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và trên cơ sở chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị đã quyết định các phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế biến động chung của thế giới và Việt Nam, đảm bảo sản xuất kinh doanh thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- Trong hoạt động quản lý điều hành chưa ghi nhận về sự vi phạm hay sai sót trọng yếu từ các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán nội bộ với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.

Trong quá trình hoạt động, Ủy ban Kiểm toán nội bộ đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông. Ủy ban Kiểm toán không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ, được tạo điều kiện tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán. Mọi vấn đề phát sinh đều được thảo luận và giải quyết kịp thời.

II. KIẾN NGHỊ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN**1. UBKTNB kiến nghị đến HĐQT:**

HDQT định hướng, thiết lập cơ chế, dành nguồn lực và ngân sách, chỉ đạo và giám sát việc:

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.
- Tăng cường số lượng, chất lượng và năng lực nguồn nhân sự, đặc biệt là nhân sự quản lý cấp cao và cấp trung.
- Kiến nghị HDQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026.

2. UBKT kiến nghị đến Ban lãnh đạo:

- Cải tiến hoàn thiện hệ thống tài liệu quản lý hiện có (cơ cấu tổ chức, quy định, quy trình...) phù hợp với:
 - + Các thay đổi về cơ cấu tổ chức, phân quyền quản lý và điều hành Công ty xuất phát từ thay đổi mục tiêu chiến lược và quy mô tổ chức.
 - + Các yêu cầu quản lý rủi ro khi áp dụng các quy trình quản lý.
- Tổ chức truyền thông định kỳ, liên tục về mục tiêu kinh doanh, văn hoá Công ty, quản lý rủi ro và hệ thống tài liệu quản lý cho đội ngũ quản lý và toàn thể nhân viên của Công ty.
- Tiếp tục triển khai và kiểm soát các hoạt động cho toàn Công ty theo các nguyên tắc:
 - + Các phòng/ban chuyên môn thiết lập và duy trì các quy trình thích hợp để quản lý hoạt động trong quá trình vận hành.
 - + Kết nối đồng bộ và hiệu quả các quy trình vận hành của các phòng, bộ phận giám sát và đánh giá tính tuân thủ của các phòng/bộ phận chuyên môn, qua đó đánh giá mức độ hiệu quả của kiểm soát rủi ro và tham vấn cải thiện.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2026.

Để thực hiện mục tiêu hoạt động cho năm 2026, UBKTNB đề ra kế hoạch công tác trong năm 2026 trọng tâm như sau:

- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động của HDQT, điều hành, quản lý của Ban điều hành; kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính minh bạch, cần trọng trong quản lý điều hành, hoạt động tác nghiệp tuân thủ, hiệu quả;
- Hỗ trợ HDQT trong việc bảo đảm công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Góp phần hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với tình hình hoạt động Công ty, quy định Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Giám sát chất lượng dịch vụ của Đơn vị kiểm toán độc lập trong các đợt kiểm toán trong năm 2026;
- Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của UBKTNB Công ty.

IV. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA UBKT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN UBKTNB

Các thành viên UBKTNB hưởng thù lao, các lợi ích khác cùng với vai trò là thành viên HDQT.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của UBKTNB Công ty trong năm 2025 và Kế hoạch năm 2026.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN
THÀNH BIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP**


NGUYỄN THỊ MINH SÁU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty cổ phần Sơn Á Đông;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và kiểm toán phía nam kiểm toán (AASCs) và Ủy ban kiểm toán thẩm định

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs) thực hiện kiểm toán, bao gồm các báo cáo:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc;
- Báo cáo kiểm toán độc lập số 227 ngày 19/03/2026 của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam kiểm toán (AASCs)
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính;
- Các phụ lục kèm theo.

Một số nội dung chủ yếu trong Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

1. Bảng cân đối kế toán:

TT	Chỉ Tiêu	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
I	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	347.641.277.190	355.389.113.642
1	Tài sản ngắn hạn	317.082.724.980	318.232.759.297
2	Tài sản dài hạn	30.558.552.210	37.156.354.345
II	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	347.641.277.190	355.389.113.642
1	Nợ phải trả	82.755.382.186	83.024.281.255
2	Vốn Chủ sở hữu	264.885.895.004	272.364.832.387

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

TT	Chỉ Tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1	Doanh thu thuần	651.760.638.336	817.854.698.419
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95.926.775.031	106.837.159.371
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	76.460.537.616	85.313.983.000

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, được đăng tải đầy đủ trên website Công ty tại địa chỉ: <https://adongpaint.com.vn/quanhecodong>

Kính trình ĐHĐCD xem xét và thông qua.


TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch
NGUYỄN THỊ NHUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH**V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026****Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông sửa đổi lần thứ 14 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 22/04/2023;
- Căn cứ nghị quyết số 003/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua ngày 26/04/2025;
- Căn cứ kết quả hoạt động SXKD trong năm 2025 (đã được kiểm toán), theo đó lợi nhuận năm 2025 sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp: **76.460.537.616 đồng**;
- Căn cứ chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua:**I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025**

Bao gồm:

- Lợi nhuận sau thuế các năm trước chuyển sang : 1.479.346.419 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 : 76.460.537.616 đồng (*)
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS) b/q : 3.319 đồng
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối : 77.939.884.035 đồng
- Chi cổ tức cho năm 2025 : 32%/VĐL 73.727.520.000 đồng

A. Đã tạm ứng cổ tức 03 đợt: 50.687.670.000 đồng tương ứng 22.00%/VĐL**Trong đó:***Chi tạm ứng đợt 1/2025 (ngày 06/08/2025): 16.127.895.000 đồng (Tỷ lệ 07.00 %/VĐL)**Chi tạm ứng đợt 2/2025 (ngày 24/10/2025): 16.127.895.000 đồng (Tỷ lệ 07.00 %/VĐL)**Chi tạm ứng đợt 3/2025 (ngày 15/01/2026): 18.431.880.000 đồng (Tỷ lệ 08.00 %/VĐL)*

B. Dùng lợi nhuận sau thuế còn lại của năm nay để chi cổ tức bổ sung cho năm 2025: 10.0%/VĐL tương ứng với số tiền: 23.039.850.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ không trăm ba mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng). Đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT chi cổ tức bổ sung cho năm 2025 sau khi nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 được thông qua.

C. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã chi trả cổ tức dùng để khen thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành do hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025: 2.700.000.000 đồng

D. Lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển sang năm sau: 1.512.364.035 đồng

E. Lập Quỹ đầu tư phát triển: Không lập quỹ

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026:

Dự kiến kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty CP Sơn Á Đông như sau:

- Doanh thu	: 550.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 55.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	: 44.000.000.000 đồng
- Lãi suất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS)	: 1.910 đồng

Trên cơ sở kế hoạch lợi nhuận nêu trên, HĐQT đề xuất kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2026 như sau:

- Chi trả cổ tức cho năm 2026 bằng tiền mặt tối thiểu : 15 % / VDL

Kính trình ĐHQĐ xem xét và thông qua


TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch
NGUYEN THỊ NHUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Tiền thù lao HĐQT, UBKTNB và tiền thưởng cho HĐQT,
Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông sửa đổi lần thứ 14 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 22/04/2023.
- Căn cứ nghị quyết số 003/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua ngày 26/04/2025;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị & Ban kiểm toán nội bộ trong năm 2025.
- Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026.

HĐQT Công ty kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua tiền thù lao cho HĐQT & BKTNB và tiền thưởng cho HĐQT & Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD như sau:

I. Tiền thù lao HĐQT & BKTNB năm 2025 đã thực chi**1. Thù lao Hội đồng quản trị : 72.500.000 đồng/tháng (07 người)**

Trong đó:

- Chủ tịch : 14.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch : 11.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác : 9.500.000 đồng/tháng

2. Thù lao Ban kiểm toán nội bộ : 13.000.000 đồng/tháng (03 người)

Trong đó:

- Trưởng ban : 5.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác : 4.000.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT & BKTNB năm 2025: **1.026.000.000 đồng***(Bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn)***3. Tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025 với số tiền thưởng: 3% lợi nhuận sau thuế như sau:**Lợi nhuận sau thuế năm 2025: **76.460.537.616 đồng** x 3% = 2.293.816.128 đồng**4. Tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện vượt kế hoạch SXKD năm 2025:**

- + Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2025 : 76.460.537.616 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2025 : 56.000.000.000 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2025 : 20.460.537.616 đồng

Với số tiền thưởng 2% lợi nhuận vượt kế hoạch như sau:

20.460.537.616 đồng x 2%: 409.210.752 đồng

Tổng số tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025 như sau:

(3) + (4) 2.293.816.128 đồng + 409.210.752 đồng : 2.700.000.000 đồng (Tính tròn) (*)

(Bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn)

(*) Nguồn chi thưởng cho HĐQT và Ban điều hành lấy từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 để chi
II. Tiền thù lao HĐQT & BKTNB và tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành năm 2026

1. Thù lao Hội đồng quản trị : 72.500.000 đồng/tháng (07 người)

Trong đó:

- Chủ tịch : 14.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch : 11.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác : 9.500.000 đồng/tháng

2. Thù lao Ban kiểm toán nội bộ : 13.000.000 đồng/tháng (03 người)

Trong đó:

- Trưởng ban : 5.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên khác : 4.000.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT & BKTNB năm 2026: 1.026.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn)

3. Tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD cho năm 2026: Với số tiền thưởng 3% lợi nhuận sau thuế và nếu vượt kế hoạch được thưởng bổ sung 2% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch
SƠN
Á ĐÔNG
NGUYỄN THỊ NHUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH**V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026****Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

- Căn cứ điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty cổ phần Sơn Á Đông được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua ngày 22/04/2023;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm vừa qua và định hướng cho các năm tới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 kết thúc vào ngày 31/12/2026 của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông bao gồm:

1. Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs)
Địa chỉ: Số 29 đường Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP.HCM
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn A&C
Địa chỉ: Số 2 đường Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, TP.HCM
3. Cty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học AISC
Địa chỉ: Số 389A đường Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, TP.HCM

Việc lựa chọn dựa trên các tiêu chí sau:

1. Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận;
2. Có kinh nghiệm kiểm toán tại các Công ty cổ phần đại chúng tại Việt Nam
3. Có uy tín trong lĩnh vực kiểm toán và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn liên quan đến nhiều lĩnh vực tương đồng với lĩnh vực hoạt động của Công ty
4. Đáp ứng được yêu cầu phạm vi, kế hoạch kiểm toán của Công ty
5. Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện soát xét và kiểm toán
6. Có mức phí cạnh tranh phù hợp với phạm vi và kế hoạch kiểm toán của Công ty

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 (một) trong 03 (ba) Công ty kiểm toán trong danh sách trên có tiêu chí phù hợp nhất để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.



DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG NĂM 2025**

(V/v: Thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên
lần thứ 25 năm 2026)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Sơn Á Đông đã được sửa đổi, bổ sung và được Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2023 thông qua ngày 22/04/2023;
- Căn cứ các kết quả biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 25 tháng 04 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị Công ty về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm).

Trong đó:	- Tổng doanh thu năm 2025	:	651.760.638.336	đồng
	- Lợi nhuận trước thuế	:	95.926.775.031	đồng
	- Lợi nhuận sau thuế	:	76.460.537.616	đồng

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

Điều 2. Thông qua Đề án Kế hoạch SX-KD năm 2026 (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm)

Trong đó:	- Tổng doanh thu năm 2026	:	550.000.000.000	đồng
	- Lợi nhuận trước thuế	:	55.000.000.000	đồng
	- Lợi nhuận sau thuế	:	44.000.000.000	đồng

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ% trên tổng số cổ phần biểu quyết)

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 (chi tiết tại tài liệu nghị sự đính kèm).

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

Điều 4. Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCs).

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ% trên tổng số cổ phần biểu quyết).

Điều 5. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Bao gồm :

- Lợi nhuận sau thuế các năm trước chuyển sang	:	1.479.346.419	đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025	:	76.460.537.616	đồng (*)
- Lãi suất cơ bản cổ phiếu (EPS) bình quân	:	3.319	đồng
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối	:	77.939.884.035	đồng

- Chi cổ tức cho năm 2025: 32.00%/VĐL 73.727.520.000 đồng
- A. Đã tạm ứng cổ tức 03 đợt: 50.687.670.000 đồng tương ứng 22.00%/VĐL

Trong đó:

Chi tạm ứng đợt 1/2025 (ngày 06/08/2025): 16.127.895.000 đồng (Tỷ lệ 07.00 %/VĐL)

Chi tạm ứng đợt 2/2025 (ngày 24/10/2025): 16.127.895.000 đồng (Tỷ lệ 07.00 %/VĐL)

Chi tạm ứng đợt 3/2025 (ngày 15/01/2026): 18.431.880.000 đồng (Tỷ lệ 08.00 %/VĐL)

- B. Dùng lợi nhuận sau thuế còn lại của năm nay để chi cổ tức bổ sung cho năm 2025: 10.00%/VĐL tương ứng với số tiền: 23.039.850.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ ba mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng). Đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT chi cổ tức bổ sung cho năm 2025 sau khi nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 được thông qua.
- C. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã chi trả cổ tức dùng để khen thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành do hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025: 2.700.000.000 đồng.

D. Lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển sang năm sau: 1.512.364.035 đồng.

E. Lập Quỹ đầu tư phát triển: Không lập quỹ

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026

Dự kiến kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Sơn Á Đông như sau :

- Doanh thu	:	550.000.000.000	đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	55.000.000.000	đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	44.000.000.000	đồng
- Lãi xuất cơ bản/01 cổ phiếu (EPS)		1.910	đồng

Trên cơ sở kế hoạch lợi nhuận nêu trên, HĐQT đề xuất kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2026 như sau:

Chi trả cổ tức cho năm 2026 bằng tiền mặt tối thiểu : 15 % / VĐL

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ% trên tổng số cổ phần biểu quyết).

Điều 6. Thông qua Tờ trình về tiền thù lao HĐQT và tiền thưởng cho HĐQT, Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

I. Tiền thù lao HĐQT & BKTNB năm 2025 đã thực chi:

1. Thù lao Hội đồng quản trị	:	72.500.000	đồng/tháng (07 người)
Trong đó:			
- Chủ tịch	:	14.000.000	đồng/tháng
- Phó chủ tịch	:	11.000.000	đồng/tháng
- Các thành viên khác	:	9.500.000	đồng/tháng
2. Thù lao Ban kiểm toán nội bộ	:	13.000.000	đồng/tháng(03 người)
Trong đó:			
- Trưởng ban	:	5.000.000	đồng/tháng
- Các thành viên khác	:	4.000.000	đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT & UBKTNB năm 2025: 1.026.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn)

3. Tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025 Với số tiền thưởng: 3% lợi nhuận sau thuế như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 76.460.537.616 đồng x 3% = 2.293.816.128 đồng

4. Tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện vượt kế hoạch SXKD năm 2025:

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2025 : 76.460.537.616 đồng
- Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2025 : 56.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2025 : 20.460.573.616 đồng

Với số tiền thưởng: 2% lợi nhuận vượt kế hoạch như sau:

$$20.460.537.616 \text{ đồng} \times 2\% = 76.460.537.616 \text{ đồng}$$

Tổng số tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025 như sau:

$$(3) + (4) = 2.293.816.128 \text{ đồng} + 409.210.752 \text{ đồng} : 2.700.000.000 \text{ đồng (tính tròn) (*)}$$

(Bảng chữ: Hai tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn)

(*) Nguồn chi thưởng cho HĐQT và Ban điều hành lấy từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 để chi.

II. Tiền thù lao HĐQT & UBKTNB, tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành năm 2026

1. Thù lao Hội đồng quản trị : 72.500.000 đồng/tháng (07 người)
 - Trong đó: - Chủ tịch : 14.000.000 đồng/tháng
 - Phó chủ tịch : 11.000.000 đồng/tháng
 - Các thành viên khác : 9.500.000 đồng/tháng
2. Thù lao Ban kiểm toán nội bộ : 13.000.000 đồng/tháng (03 người)
 - Trong đó: - Trưởng ban : 5.000.000 đồng/tháng
 - Các thành viên khác : 4.000.000 đồng/tháng

Tổng cộng tiền thù lao HĐQT & BKTNB năm 2026: **1.026.000.000 đồng**

(Bảng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn)

3. Tiền thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD cho năm 2026: Với số tiền thưởng 3% lợi nhuận sau thuế và nếu vượt kế hoạch được thưởng bổ sung 2% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ ... % trên tổng số cổ phần biểu quyết).

Điều 7. Thông qua Tờ trình về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2026.

(Đại Hội đồng ý với tỷ lệ ... % trên tổng số cổ phần biểu quyết)

Điều 8. Nghị quyết này được Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên lần thứ 25 năm 2026 Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông thông qua ngày 25 tháng 04 năm 2026.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
Chủ tọa Đại hội

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty
- HĐQT, UBKT
- Ban TGD
- Lưu.

TRẦN BỬU TRÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



Member of MSI Global Alliance

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06
- Bảng cân đối kế toán	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 31

30117
CÔNG
TNH
H VUT
HINH
KIEM
PHIA I
- T.P

302
CÔNG
CỔ
S
I
-TP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười một mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 08/05/2023 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường Phú Định, TP Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

4. Mô hình hoạt động

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Cụm CN Hải Sơn, ấp Bình Tiền II, xã Đức Hòa Hạ, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, ỦY BAN KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch
Ông Trần Bửu Trí	Phó Chủ tịch
Ông Lê Đình Quang	Thành viên
Ông Võ Hồng Hà	Thành viên
Bà Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên độc lập
Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Lê Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Võ Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc

29-C
TY
+
J VẤN
Ế TOI
TOÁN
AM
C

066
IG
PH
ĐN
I
H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ủy Ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thị Minh Sáu
Ông Tổng Trường Thịnh

Chủ tịch
Thành viên

Đại diện pháp luật

Bà Nguyễn Thị Nhung
Ông Lê Đình Quang

(được bà Nguyễn Thị Nhung ủy quyền ngày 01/03/2026)

Kế toán trưởng

Ông Huỳnh Thanh Tâm

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2025, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Duyệt, ngày 19 tháng 03 năm 2026

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Nguyễn Thị Nhung

Duyệt, ngày 19 tháng 03 năm 2026

TM. Ban Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc thường trực

Lê Đình Quang



Số: 227/BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
của CÔNG TY CỔ PHẦN SON Á ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông, được lập ngày 19/03/2026, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Kim Ngọc

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0181-2023-142-1

TP. HCM, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Kiểm toán viên

Nguyễn Đăng Lê Trung

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3264-2022-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		317.082.724.980	318.232.759.297
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.506.633.073	9.757.936.691
Tiền	111		15.506.633.073	9.757.936.691
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	134.000.000.000	102.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		134.000.000.000	102.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.814.068.944	68.594.229.322
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.767.180.177	68.285.939.397
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		399.980	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.772.119.039	1.133.398.444
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(725.630.252)	(825.108.519)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		120.531.526.392	137.241.012.210
Hàng tồn kho	141	V.7	120.531.526.392	137.241.012.210
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		230.496.571	639.581.074
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	230.496.571	639.581.074
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.558.552.210	37.156.354.345
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		30.558.552.210	37.156.354.345
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	15.039.785.853	21.152.626.540
- Nguyên giá	222		141.147.770.978	140.868.944.189
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.107.985.125)	(119.716.317.649)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	15.518.766.357	16.003.727.805
- Nguyên giá	228		24.248.072.436	24.248.072.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.729.306.079)	(8.244.344.631)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		347.641.277.190	355.389.113.642
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		82.755.382.186	83.024.281.255
I. Nợ ngắn hạn	310		82.755.382.186	83.024.281.255
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	43.178.851.016	55.756.046.482
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		137.234.995	415.059.929
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	8.971.706.375	9.662.673.085
Phải trả người lao động	314		11.063.389.661	16.510.705.471
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	19.353.157.732	628.753.881
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.042.407	51.042.407
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.13	264.885.895.004	272.364.832.388
I. Vốn chủ sở hữu	410		264.885.895.004	272.364.832.388
Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.235.180.969	7.235.180.969
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.252.214.035	34.731.151.419
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.479.346.419	104.838.419
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.772.867.616	34.626.313.000
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		347.641.277.190	355.389.113.643

Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc thường trực

Lê Minh Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	653.276.510.478	821.151.104.229
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.515.872.142	3.296.405.810
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		651.760.638.336	817.854.698.419
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	523.037.699.851	658.332.372.224
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		128.722.938.485	159.522.326.195
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7.217.865.257	6.204.783.057
Chi phí tài chính	22	VI.5	2.179.095.048	1.078.757.733
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	8.331.282
Chi phí bán hàng	25	VI.8	15.061.803.477	18.732.188.831
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	22.118.849.651	39.015.353.541
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		96.581.055.566	106.900.809.147
Thu nhập khác	31	VI.6	131.511	5.558
Chi phí khác	32	VI.7	654.412.046	63.655.334
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(654.280.535)	(63.649.776)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		95.926.775.031	106.837.159.371
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	19.466.237.415	21.523.176.871
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		76.460.537.616	85.313.983.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	3.319	3.703
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	3.319	3.703

Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2026
Phó Tổng Giám đốc thường trực



Lê Đình Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		95.926.775.031	106.844.144.775
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7.257.602.136	7.243.407.296
- Các khoản dự phòng	03		(99.478.267)	725.630.252
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		35.342.752	(28.323.413)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.609.628.740)	(5.319.130.022)
- Chi phí lãi vay	06		-	8.331.282
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		96.510.612.912	109.474.060.170
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		22.488.816.728	(4.724.820.363)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		16.709.485.818	(13.056.329.192)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(21.663.830.715)	(16.683.684.535)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		409.084.503	(10.901.623)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(8.331.282)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(19.623.176.371)	(20.785.272.320)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.300.000.000)	(2.220.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		91.530.992.875	51.984.720.854
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(659.800.000)	(1.740.279.525)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(277.500.000.000)	(214.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		245.500.000.000	242.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.000.450.657	6.065.945.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.659.349.343)	32.325.665.566



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	6.683.336.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(6.683.336.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(59.122.947.150)	(93.066.360.984)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(59.122.947.150)	(93.066.360.984)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		5.748.696.382	(8.755.974.564)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	9.757.936.691	18.513.911.255
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	15.506.633.073	9.757.936.691

Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kê toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2026
Phó Tổng Giám đốc thường trực



Lê Đình Quang

0117:
ÔNG T
TNHH
VỤ T
ÍNH K
KIỂM T
HIA NAI
T.P.HC



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười một mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 08/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường Phú Định, TP Hồ Chí Minh.

Số lượng Cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 155 người (tại ngày 31/12/2024 là 159 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có

6. Mô hình hoạt động

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Cụm CN Hải Sơn, ấp Bình Tiền II, xã Đức Hòa Hạ, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08 năm
- Máy móc, thiết bị	06-08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Thiết bị văn phòng	06-07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06-08 năm
- Tài sản vô hình	03-05 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	50 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

1729
GTY
HH
J TƯ V
I KẾ T
M TOÁ
A NAM
HỒ C

1622
GTY
H
N
NG
CH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả cổ gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quả biểu, tăng bằng tiền, hiện vật ...

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

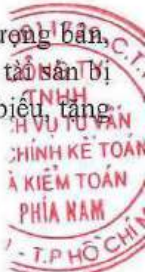
Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	151.970.965	159.020.991
+ Tiền mặt (VND)	151.970.965	159.020.991
- Tiền gửi ngân hàng	15.354.662.108	9.598.915.700
+ Tiền gửi (VND)	15.354.662.108	9.598.915.700
Tiền gửi Vietinbank - CN 6	14.703.444.329	9.172.365.031
Tiền gửi Sacombank - CN Bình Tây	651.217.779	426.550.669
Cộng	15.506.633.073	9.757.936.691

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng)	134.000.000.000	134.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000
Ngân hàng Sacombank CN. Bình Tây	134.000.000.000	134.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000
	134.000.000.000	134.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công Ty CP Tôn Mạ VNSTEEL Thăng Long	12.860.661.610	13.697.454.487
- Công Ty TNHH Phú Huỳnh	725.630.252	725.630.252
- Công Ty Tôn Phương Nam	28.359.381.982	47.889.534.000
- Công Ty TNHH GREIF Việt Nam	225.489.312	64.224.776
- DNTN SX-TM-DV Thép Đồng Tiên-Nhật Việt	725.218.413	858.578.633
- Liên Doanh Việt Nga Vietsovetro	-	2.944.434.514
- Đối tượng khác	2.870.798.608	2.106.083.035
Cộng	45.767.180.177	68.285.939.397

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

4 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngắn hạn				
- Công cụ dụng cụ phân bổ		-		-
- Chi phí bảo hiểm tài sản	40.439.005		41.693.699	
- Chi phí chỉnh sửa phần mềm kế toán	-		53.333.334	
- Chi phí sửa chữa	-		75.872.187	
- Chi phí đồng phục	-		112.360.251	
- Chi phí khác	190.057.566		356.321.603	
Cộng	230.496.571		639.581.074	

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	-	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Phải thu khác	1.772.119.039	-	1.133.398.444	-
+ BHYT, BHXH, BHTN	475.203	-	1.932.691	-
+ Lãi tiền gửi tiết kiệm	1.761.643.836	-	1.125.465.753	-
+ Các đối tượng khác	10.000.000	-	6.000.000	-
Cộng	1.772.119.039	-	1.133.398.444	-

6 . NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	99.478.267	-
Chi tiết:				
Công ty TNHH TM DV Phát Phúc	-	-	16.620.000	-
Công ty TNHH TM DV Đại Hùng Cường	-	-	12.950.457	-
Công ty TNHH Gia Công Sơn Tĩnh Điện Sơn Hải Thịnh	-	-	4.000.000	-
Công ty Cổ Phần Nhôm Kính Tây Đô	-	-	65.907.810	-
Công Ty TNHH Phú Huỳnh	725.630.252	-	725.630.252	-
Cộng	725.630.252	-	825.108.519	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	71.572.026.130	-	93.529.993.803	-
- Chi phí SXKD dở dang	43.775.278.599	-	-	-
- Thành phẩm	5.184.221.663	-	43.711.018.407	-
Cộng	120.531.526.392	-	137.241.012.210	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

8. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCD hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	66.370.926.176	53.929.186.991	10.806.957.016	2.845.924.309	6.915.949.697	140.868.944.189
Số tăng trong năm	-	114.000.000	-	-	545.800.000	659.800.000
- Mua trong năm	-	114.000.000	-	-	545.800.000	659.800.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	380.973.211	380.973.211
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	380.973.211	380.973.211
Số dư cuối năm	66.370.926.176	54.043.186.991	10.806.957.016	2.845.924.309	7.080.776.486	141.147.770.978
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	48.852.952.031	53.446.020.323	9.669.309.339	2.843.216.435	4.904.819.521	119.716.317.649
Số tăng trong năm	5.681.505.128	257.627.050	525.638.712	2.707.874	305.161.926	6.772.640.690
- Khấu hao trong năm	5.681.505.128	257.627.050	525.638.712	2.707.874	305.161.926	6.772.640.690
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	380.973.214	380.973.214
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	380.973.214	380.973.214
Số dư cuối năm	54.534.457.159	53.703.647.373	10.194.948.051	2.845.924.309	4.829.008.233	126.107.985.125
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	17.517.974.145	483.166.668	1.137.647.677	2.707.874	2.011.130.176	21.152.626.540
Tại ngày cuối năm	11.836.469.017	339.539.618	612.008.965	-	2.251.768.253	15.039.785.853

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCD hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

79.321.858.754 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bán quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	24.248.072.436	-	-	-	-	24.248.072.436
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8.244.344.631	-	-	-	-	8.244.344.631
Số tăng trong năm	484.961.448	-	-	-	-	484.961.448
- Khấu hao trong năm	484.961.448	-	-	-	-	484.961.448
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	8.729.306.079	-	-	-	-	8.729.306.079
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	16.003.727.805	-	-	-	-	16.003.727.805
Tại ngày cuối năm	15.518.766.357	-	-	-	-	15.518.766.357



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công Ty Arkema Coating Resin	12.510.643.200	12.510.643.200	12.619.956.128	12.619.956.128
- Công Ty CP Hc Ma Ha	812.376.000	812.376.000	297.891.000	297.891.000
- DNTN TM DV Bình Phú	197.302.392	197.302.392	3.706.717.064	3.706.717.064
- Công Ty Nam Đan	985.214.556	985.214.556	1.831.203.000	1.831.203.000
- CN Công Ty Đầu Tư PTTT Hoá Chất (HN)	426.708.000	426.708.000	66.000.000	66.000.000
- Công Ty Phụ Gia Tầm Nhìn Afcona	2.411.551.321	2.411.551.321	3.353.070.908	3.353.070.908
- Eternal Resin Co., Ltd.	-	-	911.659.680	911.659.680
- Công Ty TNHH Eastchem	62.640.000	62.640.000	1.268.774.688	1.268.774.688
- Công Ty CP Sam Chem Quả Cầu	890.738.640	890.738.640	-	-
- Công Ty CP Vật liệu Công nghệ Sáng Tạo	1.066.363.920	1.066.363.920	2.164.388.600	2.164.388.600
- CN Công Ty TNHH FSI Việt Nam	956.885.832	956.885.832	1.132.240.164	1.132.240.164
- Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia My	1.441.715.274	1.441.715.274	4.179.507.440	4.179.507.440
- Công Ty TNHH CTS Solutions Việt Nam	1.132.054.812	1.132.054.812	1.560.282.240	1.560.282.240
- Công Ty TNHH P&ID Việt Nam	479.746.800	479.746.800	2.925.208.000	2.925.208.000
- Macro Polymers P.Limited	3.127.257.120	3.127.257.120	3.057.942.080	3.057.942.080
- Đối tượng khác	16.677.653.149	16.677.653.149	16.681.205.490	16.681.205.490
Cộng	43.178.851.016	43.178.851.016	55.756.046.482	55.756.046.482

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	Thuế và các khoản phải nộp			
Thuế giá trị gia tăng	736.203.273	59.870.342.637	60.463.434.313	143.111.597
+ Thực nộp bằng tiền	736.203.273	15.925.901.707	16.518.993.383	143.111.597
+ Được khấu trừ	-	43.944.440.930	43.944.440.930	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	14.117.195.757	14.117.195.757	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.541.536.338	19.466.237.415	19.623.176.371	8.384.597.382
Thuế thu nhập cá nhân	384.933.474	5.570.570.534	5.511.506.612	443.997.396
Thuê đất, thuế nhà đất	-	696.974.573	696.974.573	-
Thuế khác	-	338.312.550	338.312.550	-
Cộng	9.662.673.085	100.059.633.466	100.750.600.176	8.971.706.375

Quyết toán thuế của Công Ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

12 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- KPCĐ	201.277.732	228.753.881
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	18.431.880.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	720.000.000	400.000.000
+ <i>Trích trước chi phí phạt theo biên bản</i>	320.000.000	-
+ <i>Đối tượng khác</i>	400.000.000	400.000.000
Cộng	19.353.157.732	628.753.881



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.398.500.000	-	-	-	7.235.180.969	49.556.530.919	287.190.211.888
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	85.313.983.000	85.313.983.000
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	-	-	-	-	-	(47.231.692.500)	(47.231.692.500)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(47.231.692.500)	(47.231.692.500)
- Chia thưởng HĐQT và Ban điều hành	-	-	-	-	-	(50.687.670.000)	(50.687.670.000)
						(2.220.000.000)	(2.220.000.000)
Số dư cuối năm trước (Số dư đầu năm nay)	230.398.500.000	-	-	-	7.235.180.969	34.731.151.419	272.364.832.388
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	76.460.537.616	76.460.537.616
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	-	-	-	-	-	(29.951.805.000)	(29.951.805.000)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(29.951.805.000)	(29.951.805.000)
- Chia thưởng HĐQT và Ban điều hành	-	-	-	-	-	(50.687.670.000)	(50.687.670.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
Số dư cuối năm	230.398.500.000	-	-	-	7.235.180.969	27.252.214.035	264.885.895.004



26

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Bà Nguyễn Thị Nhung	23.182.690.000	23.182.690.000
- Vốn góp của Ông Trần Bửu Trí	26.165.680.000	26.165.680.000
- Vốn góp của Ông Lê Đình Quang	21.240.000.000	21.240.000.000
- Vốn góp của Ông Võ Hồng Hà	18.212.000.000	25.344.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	141.598.130.000	134.466.130.000
Cộng	230.398.500.000	230.398.500.000

13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	230.398.500.000	230.398.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	230.398.500.000	230.398.500.000
- Chia cổ tức, tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế	(80.639.475.000)	(97.919.362.500)

13.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.039.850	23.039.850
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

13.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	7.235.180.969	7.235.180.969
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

14.1. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Nguyên tệ	VND	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH TM DV Phát Phúc	VND	16.620.000	31/12/2025	Không thể thu hồi
Công ty TNHH TM DV Đại Hùng Cường	VND	12.950.457	31/12/2025	Không thể thu hồi
Công ty TNHH Gia Công Sơn Tĩnh Điện Sơn	VND	4.000.000	31/12/2025	Không thể thu hồi
Công ty Cổ Phần Nhôm Kính Tây Đô	VND	65.907.810	31/12/2025	Không thể thu hồi
TỔNG CỘNG		99.478.267		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
28.622.500	77.000.000
651.207.887.978	818.934.104.229
2.040.000.000	2.140.000.000
653.276.510.478	821.151.104.229

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Cộng

Năm nay	Năm trước
1.515.872.142	3.296.405.810
-	-
1.515.872.142	3.296.405.810

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn hàng hóa đã bán
- Giá vốn thành phẩm đã bán

Cộng

Năm nay	Năm trước
19.025.327	95.638.951
523.018.674.524	658.236.733.273
523.037.699.851	658.332.372.224

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

Năm nay	Năm trước
6.609.628.740	5.319.130.022
608.236.517	857.329.622
-	28.323.413
7.217.865.257	6.204.783.057

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Chi phí tài chính khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	8.331.282
2.143.752.296	1.070.426.451
35.342.752	-
2.179.095.048	1.078.757.733

6. THU NHẬP KHÁC

- Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
131.511	5.558
131.511	5.558

7. CHI PHÍ KHÁC

- Phạt vi phạm hợp đồng
- Phí chậm nộp tiền thuế TNCN
- Phí chậm nộp tiền thuê đất
- Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
320.000.000	44.932.850
334.312.550	-
-	18.690.177
99.496	32.307
654.412.046	63.655.334

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	594.730.085	685.204.978
- Chi phí nhân công	9.275.526.644	10.194.620.644
- Chi phí khấu hao	78.787.879	204.034.106
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.990.623.636	4.539.581.011
- Các khoản chi phí bán hàng khác	2.122.135.233	3.108.748.092
Cộng	15.061.803.477	18.732.188.831
8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	1.441.842.563	1.651.917.597
- Chi phí nhân công	13.834.339.607	29.114.446.070
- Chi phí khấu hao	416.975.375	563.363.076
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.344.721.855	1.525.514.401
- Thuế, phí, lệ phí	716.214.573	17.888.310
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	725.630.252
- Các khoản chi phí QLDN khác	2.364.755.678	5.416.593.835
Cộng	22.118.849.651	39.015.353.541

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	538.165.454.140	675.590.923.535
- Chi phí nhân công	45.834.517.479	60.244.627.020
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.257.602.138	7.243.407.296
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.358.471.480	10.253.215.562
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	725.630.252
- Chi phí bằng tiền khác	10.128.463.000	14.322.083.891
Cộng	609.744.508.237	768.379.887.356

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.466.237.415	21.523.176.371
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	19.466.237.415	21.523.176.371

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95.926.775.031	106.837.159.371
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	1.404.412.046	778.722.484
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.404.412.046	778.722.484
Chi phí phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế, chi phí dự phòng	654.412.046	28.722.484
Thù lao hội đồng quản trị	750.000.000	750.000.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	97.331.187.077	107.615.881.855
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện	19.466.237.415	21.523.176.371
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	19.466.237.415	21.523.176.371
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	76.460.537.616	85.313.983.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	23.039.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.319	3.703

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	76.460.537.616	85.313.983.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	23.039.850
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.319	3.703

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không có
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường
- Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Năm nay

Năm nay

CÔNG TY
TNHH
VỤ VỤ VÀ
KẾ TỐC
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
- Thông tin về các bên liên quan

3.1. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

		Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Nhung	Thù lao, thưởng	428.000.000	348.000.000
Trần Bửu Trí	Thù lao, thưởng	382.000.000	302.000.000
Lê Đình Quang	Thù lao, lương, thưởng	1.184.925.012	1.121.356.785
Võ Hồng Hà	Thù lao, lương, thưởng	1.057.097.346	984.200.810
Võ Thị Bích Ngọc	Thù lao, thưởng	354.000.000	274.000.000
Nguyễn Thị Minh Sáu	Thù lao, thưởng	414.000.000	334.000.000
Tổng Trường Thịnh	Thù lao, thưởng	402.000.000	322.000.000

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

- Công ty chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh sản phẩm sơn. Ngoài các nguồn doanh thu này, Công ty không có (rất ít) doanh thu từ hoạt động khác do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

- Bên cạnh đó khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

20662
NG T
PHÁP
ĐƠN
HỒ CHÍ MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tâm

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2026
Phó Tổng Giám đốc thường trực



Lê Đình Quang

